

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06-6-2025

V/v: Tranh chấp “ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Ông Dương Xuân Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Tuyết A, sinh năm 1990 (*xin giải quyết vắng mặt*);

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn B, sinh năm 1991 (*vắng mặt không có lý do*);

Cùng cư trú: Thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2024, bản tự khai và biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Tuyết A trình bày:

Bà Trần Tuyết A và ông Trần Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 11 tháng 4 năm 2012. Trong thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông B thường xuyên uống rượu, chơi bời, không chăm lo cho gia đình và còn có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Bà A đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông B không sửa đổi. Nay, bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc

từ lâu không còn ai quan tâm đến ai, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay. Do đó, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông B.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là Trần Anh C, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và Trần Hoài D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung là Trần Anh C và Trần Hoài D cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhiều lần.

Tại đơn xin trình bày nguyện vọng đề ngày 03 tháng 12 năm 2024, cháu Trần Anh C trình bày:

Hiện nay cháu 16 tuổi và đang học lớp 10 tại Trường Trung học phổ thông ĐK, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, cháu có biết việc bố mẹ yêu cầu giải quyết việc ly hôn với nhau tại Tòa án, cháu là con đầu trong gia đình, trước đây bố mẹ cháu chung sống với nhau rất hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2014 cho đến nay thì bố mẹ luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và dẫn đến ly hôn. Nay bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc gì.

Tại đơn xin trình bày nguyện vọng đề ngày 03 tháng 12 năm 2024 cháu Trần Hoài D trình bày:

Cháu là con ruột của ông B và bà A, hiện nay 12 tuổi và đang học lớp 7 tại trường Trung học cơ sở PM. Do bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là hoàn toàn tự nguyện không có ai ép buộc gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39; 40 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà A.

Về con chung: Giao 02 người con chung là Trần Anh C, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và Trần Hoài D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xác định đây là vụ án tranh chấp “ly hôn” do bà A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông B cư trú tại: Thôn BT, xã PM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, 39, 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn ông B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng ông B vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng và được xem như ông đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà A cho thấy, bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PM theo giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 11 tháng 4 năm 2012. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau do ông B thường hay đi uống rượu và không quan tâm đến gia đình, ngoài ra ông B còn có người phụ nữa khác, bà A đã khuyên bảo ông B nhiều lần nhưng ông B không chịu sửa đổi. Nay, bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc và không còn quan B đến nhau, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2022 cho đến nay. Do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông B.

Tại phiên tòa, mặc dù bà A có đơn xin giải quyết vắng mặt, nhưng căn cứ tại Biên bản lấy lời khai của bà và cho rằng bà đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bà A xác định nay không còn tình cảm với ông B và vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2022. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con là Trần Anh C, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và Trần Hoài D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời khai, bản tự khai của bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về phía cháu C và cháu D cũng có đơn trình bày và nguyện vọng được ở với bà A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, nghĩ cần thiết phải giao người 02 con chung là cháu C và cháu D cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà A phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 36; Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết A về việc tranh chấp “ly hôn”
Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Tuyết A được ly hôn với ông Trần Văn B.

Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Trần Anh C, sinh ngày 17 tháng 4 năm 2009 và cháu Trần Hoài D, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2012 cho bà Trần Tuyết A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trần Tuyết A phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Biên lai thu tiền số 0008293 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước*).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (01);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập (01);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập (01);
- Ủy ban nhân dân xã PM (01);
- Các đương sự (02);
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn thư (02).

THẨM PHÁN

Văn Phú Vinh